



UBND Xã Tiên Động

Biểu số 116/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	14.257.615.849	Tổng số chi	14.257.615.849
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	82.943.000	I. Chi đầu tư phát triển	9.000.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	97.813.109	II. Chi thường xuyên	4.800.598.976
III. Thu bổ sung	14.037.229.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	457.016.873
- Bổ sung cân đối	3.927.150.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	10.110.079.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	39.630.740		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	4.163.630.740	5.163.630.740		14.257.615.849		276,12
I	Các khoản thu 100%	90.000.000	90.000.000		82.943.000		92,16
1	Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000		27.037.000		90,12
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	30.000.000	30.000.000		31.906.000		106,35
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	30.000.000	30.000.000		24.000.000		80,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	90.000.000	90.000.000		97.813.109		108,68
1	Các khoản thu phân chia	44.000.000	44.000.000		42.878.563		97,45
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	18.000.000	18.000.000		15.448.750		85,83
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.000.000	6.000.000		5.300.000		88,33
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000.000	20.000.000		22.129.813		110,65
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	46.000.000	46.000.000		54.934.546		119,42
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	25.000.000	25.000.000		31.147.299		124,59
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	21.000.000	21.000.000		23.787.247		113,27
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	39.630.740	39.630.740		39.630.740		100

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.944.000.000	4.944.000.000		14.037.229.000		283,92
1	Thu bổ sung cân đối	3.944.000.000	3.944.000.000		3.927.150.000		99,57
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.000.000.000		10.110.079.000		1011,01



UBND Xã: Tiên Động

Biểu số 118/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.163.630.740	1.000.000.000	4.163.630.740	14.257.615.849	9.000.000.000	5.257.615.849	276,12	900,00	126,27
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	1.000.000.000	1.000.000.000		9.000.000.000	9.000.000.000		900,00	900,00	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	20.000.000		20.000.000	20.000.000		20.000.000	100,00		100,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	61.839.200		61.839.200	71.839.200		75.306.700	116,17		121,78
6	Chi thể dục, thể thao	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100,00		100,00
7	Chi bảo vệ môi trường	30.000.000		30.000.000	17.500.000		17.500.000	58,33		58,33
8	Chi các hoạt động kinh tế	42.500.000		42.500.000			75.976.000	0,00		178,77
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.604.684.800		3.604.684.800	3.743.296.512		4.244.840.276	103,85		117,76
10	Chi cho công tác xã hội	354.976.000		354.976.000	356.976.000		356.976.000	100,56		100,56
11	Chi khác									
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	39.630.740		39.630.740			457.016.873	0,00		1.153,19



Biểu số : 08/QTX

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020

ĐVT: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị khối lượng thực hiện trong năm 2020(01/01-31/12)				Giá trị thanh toán trong năm 2020(01/01-31/01)			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó TTKL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
					Xây lắp	Thi ết bị	Khác			Nguồn cân đối NS	Nguồn NTM
Tổng số		24.929.873.000	-	13.247.860.000	11.746.207.174	-	1.501.652.826	9.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	5.000.000.000
1. Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng		2.564.801.000	-	2.564.801.000	2.214.302.174	-	350.498.826	2.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Trường Tiểu học Tiên Động: Nhà bếp, sân bếp và mái che sân rửa	9/2019-12/2019	885.937.000		885.937.000	721.133.174		164.803.826	700.000.000	700.000.000	500.000.000	200.000.000
Trường Mầm non Tiên Động: Nhà bếp, bể nước, nhà để xe, mái che nhà cầu và sân rửa	10/2016-12/2017	781.713.000		781.713.000	717.051.000		64.662.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
Trường THCS: Hạng mục: Lát nền thay cửa nhà lớp học 2T12P, nhà bảo vệ, sân đường thoát nước	4/2019-8/2019	897.151.000		897.151.000	776.118.000		121.033.000	800.000.000	800.000.000		800.000.000
2. Công trình chuyển tiếp hoàn thành trong năm		8.222.660.000		8.222.660.000	7.071.506.000	-	1.151.154.000	5.500.000.000	-	2.500.000.000	3.000.000.000
Trường Mầm non: Nhà lớp học 2T6P	5/2019-6/2020	6.464.494.000		6.464.494.000	5.681.933.000		782.561.000	4.500.000.000		1.500.000.000	3.000.000.000
Trường THCS tiên Động, huyện Tứ Kỳ: Hạng mục: xây dựng khu	11/2019-01/2020	706.979.000		706.979.000	558.025.000		148.954.000	500.000.000		500.000.000	
Trường mầm non Tiên Động: Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học	10/2019-01/2020	1.051.187.000		1.051.187.000	831.548.000		219.639.000	500.000.000		500.000.000	
3. Công trình khởi công mới		14.142.412.000	-	2.460.399.000	2.460.399.000	-	-	1.500.000.000	-	500.000.000	1.000.000.000

Trường THCS Tiên Động, huyện Tứ Kỳ: Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng	12/2020- 12/2021	9.275.598.000		500.000.000	500.000.000					-	
Nhà hiệu bộ trường mầm non Tiên Động	9/2020- 9/2021	4.060.142.000		1.760.399.000	1.760.399.000			1.500.000.000		500.000.000	1.000.000.000
Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Tiên Động Hạng mục: Xây dựng nhà xe, nhà vệ sinh và tường rào	5/2020- 6/2021	806.672.000		200.000.000	200.000.000					-	